

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM  
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC  
GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN NĂM 2014

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN SAU KHI TRỪ ĐIỂM VI PHẠM QUY CHẾ

| ST T | SBD    | Họ đệm        | Tên   | Ngày sinh  | Giới tính | Chuyên ngành | Đơn vị dự tuyển | Điểm học tập | Điểm tốt nghiệp | Điểm thực hành | Điểm sau khi trừ vi phạm | Tổng điểm sau khi trừ vi phạm |
|------|--------|---------------|-------|------------|-----------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|----------------|--------------------------|-------------------------------|
| 1    | XT1032 | Nguyễn Thị    | Hoa   | 05/10/1987 | Nữ        | GVMN         | MN Thượng Cát   | 78.60        | 63.33           | 93.75          | 56.25                    | 254.43                        |
| 2    | XT0916 | Nguyễn Thị    | Chiều | 30/8/1982  | Nữ        | GVMN         | MN Xuân Tảo     | 72.40        | 75.00           | 38.75          | 31.00                    | 209.40                        |
| 3    | XT0924 | Nguyễn Thùy   | Chung | 01/07/1992 | Nữ        | GVMN         | MN Phúc Diễn    | 69.16        | 61.67           | 80.00          | 64.00                    | 258.83                        |
| 4    | XT1006 | Ngô Thị       | Hào   | 16/10/1991 | Nữ        | GVMN         | MN Phúc Diễn    | 63.84        | 60.00           | 79.00          | 47.40                    | 218.64                        |
| 5    | XT1011 | Nguyễn Thị    | Hậu   | 03/11/1985 | Nữ        | GVMN         | MN Xuân Đình    | 59.79        | 55.00           | 26.00          | 15.60                    | 145.99                        |
| 6    | XT1025 | Trần Thị      | Hiền  | 21/11/1987 | Nữ        | GVMN         | MN Phúc Diễn    | 65.94        | 56.67           | 81.50          | 65.20                    | 253.00                        |
| 7    | XT1032 | Nguyễn Thị    | Hoa   | 05/10/1987 | Nữ        | GVMN         | MN Thượng Cát   | 78.60        | 63.33           | 93.75          | 75.00                    | 291.93                        |
| 8    | XT1039 | Nguyễn Thị    | Hồi   | 10/10/1985 | Nữ        | GVMN         | MN Minh Khai    | 66.09        | 60.00           | 91.25          | 73.00                    | 272.09                        |
| 9    | XT1046 | Bùi Thị       | Hợp   | 25/07/1982 | Nữ        | GVMN         | MN Đông Ngạc    | 70.91        | 73.33           | 85.50          | 68.40                    | 281.04                        |
| 10   | XT1167 | Gia Thị       | Mai   | 29/09/1986 | Nữ        | GVMN         | MN Minh Khai    | 64.54        | 70.00           | 77.00          | 61.60                    | 257.74                        |
| 11   | XT1170 | Nguyễn Thị    | Mai   | 23/10/1990 | Nữ        | GVMN         | MN Liên Mạc     | 0.00         | 0.00            | 79.50          | 47.70                    | 95.40                         |
| 12   | XT1380 | Vương Thị     | Thủy  | 02/05/1984 | Nữ        | GVMN         | MN Minh Khai    | 64.57        | 75.00           | 68.50          | 41.10                    | 221.77                        |
| 13   | XT0048 | Chu Thị Khánh | Hà    | 24/03/1983 | Nữ        | GV Văn       | THCS Tây Tựu    | 0.00         | 0.00            | 52.00          | 41.60                    | 83.20                         |
| 14   | XT0057 | Phạm Văn      | Hà    | 10/09/1977 | Nam       | GV Văn       | THCS Tây Tựu    | 61.59        | 65.00           | 46.00          | 36.80                    | 200.19                        |

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG   
  
CHỦ TỊCH UBND  
Trần Thế Cường